

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
NGÀNH KINH TẾ XÂY DỰNG**

Ban hành kèm theo quyết định số 1273/QĐ-ĐHTL ngày 22 tháng 09 năm 2021 của Trường Đại học Thủy lợi

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn Quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			33									
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13									
1	Pháp luật đại cương	General Law	GEL111	Mác-Lênin	2	2								
2	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP121	Mác-Lênin	3		3							
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE222	Mác-Lênin	2			2						
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	SCSO232	Mác-Lênin	2				2					
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV343	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					2				
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2						2			
I.2	Kỹ năng	Communication Skills			3									
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	Soft Skills and Entrepreneurship	COPS111	Phát triển kỹ năng	3		3							
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science & computer			11									
8	Vật lý 1	Physics 1	PHYS112	Vật lý	3	3								
9	Tin học cơ bản	Introduction to Informatics	CSE100	Tin học và Kỹ thuật tính	2	2								
10	Toán cao cấp 1	Advanced Mathematics 1	AM111	Toán học	2	2								
11	Toán cao cấp 2	Advanced Mathematics 2	AM122	Toán học	2		2							
12	Nhập môn xác suất thống kê	Introduction to Probability and Statistics	MATH253	Toán học	2			2						
I.4	Tiếng Anh	English			6									
13	Tiếng Anh 1	English 1	ENG213	Tiếng Anh	3			3						
14	Tiếng Anh 2	English 2	ENG224	Tiếng Anh	3				3					
I.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	8*								
I.6	Giáo dục thể chất	Physical Education			5*	1*	1*	1*	1*	1*				
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			117									
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	Foundation Subjects			18									
15	Pháp luật xây dựng	Legal enviroment in Construction	LAWC315	Quản lý xây dựng	2		2							

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn Quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
43	Quản lý dự án xây dựng	Construction Project Management	CON428	Quản lý xây dựng	2						2			
44	Kinh tế xây dựng 2	Construction Economics 2	CECON428	Quản lý xây dựng	2						2			
45	Thống kê doanh nghiệp	Business Statistics	BACU208	Quản trị kinh doanh	2						2			
46	Phân tích và dự báo kinh tế trong xây dựng	Analysis and Forecasting in Construction Economics	AFCE428	Quản lý xây dựng	2						2			
47	Kinh tế đầu tư xây dựng	Construction Investment Economics	CON448	Quản lý xây dựng	2						2			
48	Đồ án Kinh tế đầu tư xây dựng	Project of Construction Investment Economics	PCIE446	Quản lý xây dựng	1							1		
49	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế xây dựng	English 1n Construction Economics	CEE223	Quản lý xây dựng	2							2		
50	Định mức Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng	Economic Technical Norms in Construction	ETNC316	Quản lý xây dựng	2							2		
51	Định giá sản phẩm, dịch vụ công ích	Public Goods and Services Pricing	CPGE221	Quản lý xây dựng	2							2		
52	Tổ chức sản xuất và quản lý thi công	Organization and Management of Construction Technology	OOC482	Quản lý xây dựng	2								2	
53	Định giá sản phẩm xây dựng	Construction Product Pricing	CPP326	Quản lý xây dựng	2								2	
54	Kinh tế máy xây dựng	Economics of Construction Machinery	CECM221	Quản lý xây dựng	2								2	
55	Hệ thống thông tin quản lý	Management Information Systems	MIS313	Quản lý xây dựng	2								2	
56	Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây dựng	Business Analysis in Construction Enterprises	BACE220	Quản lý xây dựng	2								2	
57	Thực tập ngành Kinh tế xây dựng	Internship	CCE439	Quản lý xây dựng	3								3	
II.4	Thực tập và học phần tốt nghiệp	Internship and Graduation Thesis			13									
58	Thực tập tốt nghiệp	Internship for Graduation Thesis	IGT483	Quản lý xây dựng	3									3
59	Đồ án tốt nghiệp	Graduation Thesis		Quản lý xây dựng	10									10
II.5	Kiến thức tự chọn	Selective Units			11							6	5	
60	<i>Quy hoạch đô thị</i>	<i>Urban Planning</i>	<i>URPM316</i>	<i>Kỹ thuật hạ tầng</i>	<i>2</i>							<i>2</i>		
61	<i>Định giá bất động sản</i>	<i>Real Estate Pricing</i>	<i>REP417</i>	<i>Quản lý xây dựng</i>	<i>2</i>							<i>2</i>		

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn Quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
62	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Feasibility Study Preparation and Appraisal of Investment Projects	ECON428	Quản lý xây dựng	2							2		
63	Kinh tế thủy lợi	Water Resources Economics	IREC422	Quản lý xây dựng	2							2		
64	Pháp luật kinh tế	Economic Law	ELAW204	Kinh tế	2							2		
65	Quản lý tài chính trong xây dựng	Financial Management in Construction	FMC462	Tài chính	2								2	
66	Tự động hoá trong quản lý xây dựng	Automation in Construction Management	ACOM472	Quản lý xây dựng	2								2	
67	Hợp đồng và đấu thầu xây dựng	Construction Contract and Bidding Management	CON367	Quản lý xây dựng	2								2	
68	Phát triển kỹ năng quản trị	Developing Management Skills	DMS422	Phát triển kỹ năng	2								2	
69	Giám sát chất lượng công trình	Engineering Construction Inspection	CET498	Công nghệ và quản lý xây dựng	3								3	
70	Kiểm toán căn bản	Principles of Auditing	ACC303	Kế toán	3								3	
	Tổng cộng (I + II)	Total (I+II)			150	16	15	16	18	17	18	19	18	13